

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Ninh;

Bà Triệu Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bé Đình B, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (hiện đang chấp hành án tại đội **, phân trại số *, Trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày: Trước khi kết hôn chị và anh Bé Đình B được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, theo giấy đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường, được một thời gian sau anh Bé Đình B lao vào cờ bạc, chị khuyên ngăn anh B không nghe, còn đánh

đập chị, đến năm 2019 anh B mang sổ đỏ và ô tô đi cầm, chị khuyên can anh B không nghe, đến năm 2020 anh B đi chấp hành án 07 năm 08 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Bé Đình B được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bé Thế Đ, sinh ngày 09/5/2009, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Bé Đình B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ chung và cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Bé Đình B vắng mặt, nhưng tại bản tự khai anh Bé Đình B trình bày: Trước khi kết hôn anh và chị Hoàng Thị D được tự do tìm hiểu nhau, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cưới khoảng 08 năm thì anh nghiện hút ma túy, từ đó phát sinh ra mâu thuẫn vợ chồng hay cãi chửi nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng có 01 con chung tên là Bé Thế Đ, sinh năm 2009, hiện đang ở với vợ. Khi ly hôn do anh đang chấp hành án tại Trại giam T, không chăm nuôi con được, trước tiên anh để vợ nuôi con. Khi chấp hành án xong sẽ viết đơn xin được quyền nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì. Về nợ chung và cho vay chung: Không có. Anh không yêu cầu Tòa án hòa giải, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, vì anh đang chấp hành án tại Trại giam T.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Hoàng Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Bé Đình B được ly hôn và chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu Bé Thế Đ, sinh ngày 09/5/2009, đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Hoàng Thị D không yêu cầu anh Bé Đình B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Bé Đình B đề nghị xét xử vắng mặt, do anh đang chấp hành án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D, xử cho chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Bé Thế Đ, sinh ngày 09/5/2009 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Bé Thế Đ. Anh Bé Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Bé Đình B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và cho vay chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên tòa bị đơn anh Bé Đình B vắng mặt, anh Bé Đình B đề nghị xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, có cơ sở xác định chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B kết hôn ngày 18/02/2009, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, hiện vợ chồng đã có 01 con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Mâu thuẫn vợ chồng: Chị Hoàng Thị D xác định do chồng mắc tệ nạn xã hội, hiện nay anh Bé Đình B đang chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy, tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh Bé Đình B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai anh B trình bày: Do anh nghiện hút ma túy, từ đó phát sinh ra mâu thuẫn vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh cũng xác định tình cảm không còn. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

[4] Căn cứ vào lời khai của chị Hoàng Thị D, anh Bé Đình B và tài liệu chứng cứ thu thập được, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B đã xảy ra trầm trọng, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Hoàng Thị D xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị D, xử cho chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B có 01 con chung là cháu Bé Thế Đ, sinh ngày 09/5/2009, chị Hoàng Thị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Bé Đình B cấp dưỡng và cháu Bé Thế Đ cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy cần giao cháu Bé Thế Đ cho chị Hoàng Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Bé Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoàng Thị D.

[6] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung và cho vay chung: Không có, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, thì chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo biên lai số AA/2021/0001881 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn chị Hoàng Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D và anh Bé Đình B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bé Thế Đ, sinh ngày 09/5/2009 cho chị Hoàng Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Bé Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoàng Thị D.

Anh Bé Đình B có quyền đi lại thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị D và anh Bế Đình B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và cho vay chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo biên lai số AA/2021/0001881 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn chị Hoàng Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng;
- UBND xã H, h. Văn Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Thị Máy